

Pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp

Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, làm cơ sở cho đề xuất hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

1. Khái quát về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp

Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng phải có nguồn tài chính, tài sản bên cạnh các yếu tố pháp lý, nhân lực... để giúp doanh nghiệp có thể duy trì hoạt động của mình. Trong nền kinh tế thị trường, vốn là điều kiện đầu tiên có ý nghĩa quyết định sự ra đời cũng như phát triển sau này của doanh nghiệp, bởi không có doanh nghiệp nào tồn tại mà không cần đến vốn.

Dưới góc độ ngôn ngữ học, vốn là “tổng thể nói chung những tài sản bỏ ra lúc đầu, thường biểu hiện bằng tiền, dùng trong sản xuất, kinh doanh nói chung, trong hoạt động sinh lợi”[1]. Định nghĩa này cho chúng ta hình dung bước đầu về vốn, tuy chưa rõ ràng nhưng đã nêu được nguồn gốc của vốn là tổng thể những tài sản bỏ ra ban đầu và có chức năng là dùng trong sản xuất, kinh doanh.

Dưới góc độ kinh tế, xuất phát từ vai trò của vốn đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, “vốn là toàn bộ lượng tiền cần thiết nhất định để bắt đầu và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục của các chủ thể kinh doanh”. Theo đó, vốn phải có trước khi diễn ra hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nói cách khác, vốn là toàn bộ số tiền phải đầu tư ứng trước cho kinh doanh. Trong quá trình đầu tư sử dụng, vốn được thu hồi lại để đầu tư tiếp cho các quá trình kinh doanh tiếp theo. Nếu vốn kinh doanh bị giảm sút hoặc bị mất thì quy mô kinh doanh bị thu hẹp, hoạt động sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng xấu.

Dưới góc độ pháp lý, vốn là “tiền, tài sản, quyền tài sản trị giá được bằng tiền có thể sử dụng trong kinh doanh”[2]. Định nghĩa trên đã chỉ ra vốn được hình thành từ tiền, tài sản, quyền tài sản trị giá được bằng tiền và mục đích để sử dụng trong kinh doanh, là tiền đề trong các hoạt động đầu tư.

Ở nước ta, góp vốn trong thương mại được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau. Hiểu theo cách thông thường, góp vốn là việc một người hay một số người (tổ chức, cá nhân) theo quy định có quyền sử dụng tài sản đầu tư vào doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm tìm kiếm lợi nhuận. Dưới góc độ pháp lý, có thể

hiếu, góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn của doanh nghiệp, việc góp vốn này được thực hiện khi thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn vào doanh nghiệp đã thành lập và người góp vốn thực hiện chuyển giao quyền sở hữu tài sản góp vốn của mình cho doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp tư nhân) để đổi lại những lợi ích nhất định từ doanh nghiệp mà mình góp vốn. Góp vốn vào doanh nghiệp có vai trò quan trọng, nhất là đối với giai đoạn doanh nghiệp mới được hình thành; đối với doanh nghiệp đã hoạt động kinh doanh, góp vốn cũng góp phần quyết định tới sự phát triển và tồn tại của doanh nghiệp.

Với những quan niệm trên, có thể khẳng định, góp vốn chính là việc đưa tài sản đầu tư hoặc đầu tư thêm vào doanh nghiệp để tìm kiếm lợi nhuận. Do đó, góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp được hiểu ở hai khía cạnh:

Thứ nhất, góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp không những cho ra đời một doanh nghiệp mới mà còn tạo nên tài sản kinh doanh cho doanh nghiệp.

Bất kỳ một loại hình doanh nghiệp nào muốn được thành lập thì góp vốn là điều kiện, yếu tố quan trọng không thể thiếu. Góp vốn không những quyết định sự ra đời, mà còn thể hiện khả năng gánh chịu nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp đó, đồng thời để bảo vệ tốt lợi ích của doanh nghiệp cũng như lợi ích của người thứ ba có liên quan với doanh nghiệp. Việc góp vốn bằng tài sản giúp doanh nghiệp tạo nên một khối tài sản riêng tách bạch, củng cố tính chất độc lập về tài sản của mình để thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp vừa là nghĩa vụ nhưng cũng là quyền lợi của chủ sở hữu.

Khi xem góp vốn là nghĩa vụ, thì đây là nghĩa vụ của nhà đầu tư, khi nhà đầu tư cam kết hay thỏa thuận góp vốn thành lập doanh nghiệp là việc nhà đầu tư đã tự ràng buộc mình trở thành con nợ của doanh nghiệp. Khi nhà đầu tư góp tài sản vào doanh nghiệp, tài sản đó thuộc sở hữu của doanh nghiệp - một thực thể pháp lý độc lập. Nếu nhà đầu tư không góp vốn hoặc góp vốn chậm thì doanh nghiệp có quyền đòi và với việc không thực hiện đúng nghĩa vụ thì tổ chức, cá nhân góp vốn sẽ phải chịu những trách nhiệm pháp lý nhất định.

Khi xem góp vốn là quyền lợi, sau khi đã góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp, nhà đầu tư sẽ được hưởng những quyền lợi từ hành vi góp vốn. Góp vốn tạo cho chủ sở hữu duy nhất hay cho các thành viên góp vốn được hưởng quyền lợi từ doanh nghiệp tương ứng mà mình đầu tư. Tuy nhiên, với doanh nghiệp nhiều chủ sở hữu, các quyền lợi và nghĩa vụ của thành viên còn phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay số cổ phần mà mỗi thành viên đó nắm giữ trong doanh nghiệp.

Để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho thỏa thuận góp vốn vào doanh nghiệp, giảm thiểu tranh chấp xảy ra, giữa các bên góp vốn thường ký cam kết cụ thể về các nội dung như người góp vốn, tài sản đem góp vốn, số lượng, giá trị từng loại tài sản góp vốn, thời điểm, trình tự, thủ tục góp vốn...

2. Tổng quan pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp

2.1. Khái niệm pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp

Sự phát triển của lực lượng sản xuất đòi hỏi tất yếu khách quan phải có tích lũy vốn để tái sản xuất, mở rộng sản xuất và nhu cầu huy động vốn cho hoạt động kinh doanh đã thúc đẩy các nhà đầu tư tìm đến những hình thức tổ chức kinh doanh - các loại hình doanh nghiệp. Việc góp vốn chính là đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế và mặt khác, nền sản xuất càng phát triển, trình độ kỹ thuật và công nghệ càng cao, cạnh tranh ngày càng khốc liệt thì rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh càng lớn, hậu quả dẫn đến có nhiều nhà đầu tư bị phá sản. Do đó, góp vốn vào doanh nghiệp giúp các nhà đầu tư phân tán rủi ro bằng cách cùng chia sẻ đầu tư với những người khác nhằm bảo đảm an toàn cho đồng vốn của mình. Góp vốn giúp các nhà đầu tư tập trung được tiềm lực vật chất đủ mạnh để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

Từ vai trò, vị trí của quan hệ liên kết vốn, góp vốn vào các loại hình doanh nghiệp để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trên thương trường đòi hỏi phải được điều chỉnh bằng pháp luật đối với việc góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp.

Pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp là tổng thể các quy phạm pháp luật thể hiện dưới hình thức các văn bản quy phạm pháp luật quy định về hình thức tài sản góp vốn, thời hạn góp vốn, định giá tài sản góp vốn, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn và các nội dung khác có liên quan đến việc góp vốn vào doanh nghiệp.

2.2. Cấu trúc pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp

Về mặt lý luận, cấu trúc pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật và các ngành luật. Hệ thống cấu trúc có 03 thành tố cơ bản ở 03 cấp độ khác nhau là quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật.

Cấu trúc pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp được hiểu là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến việc tổ chức, cá nhân góp vốn khi thành lập hoặc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ nhất, cấu trúc hình thức: Góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp được điều chỉnh bởi các văn bản sau:

- Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về tài sản là căn cứ để xác định tài sản góp vốn vào doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định tài sản góp vốn vào doanh nghiệp tại Điều 34 nhưng theo nguyên tắc luật chung và luật chuyên ngành, tài sản góp vốn phải thoả mãn các điều kiện trở thành tài sản được quy định tại luật chung (Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì mới xác định tài sản đó đủ điều kiện góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Như vậy, tài sản góp vốn vào doanh nghiệp ngoài việc xác định theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, đồng thời phải là tài sản thoả mãn điều kiện của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 là văn bản pháp lý điều chỉnh toàn diện, tổng thể về góp vốn thành lập tất cả bốn loại hình công ty và góp vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân nhưng quy định về góp vốn đầu tư bằng tài sản vào doanh nghiệp tư nhân đơn giản hơn bởi Luật Doanh nghiệp năm 2020 xác định vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn là tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân. Bên cạnh đó, Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng quy định về việc góp thêm tài sản vào vốn điều lệ của doanh nghiệp đã thành lập là quyền của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty hợp danh, cổ đông của công ty cổ phần.

- Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2020, cụ thể: Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 51 đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của các loại hình công ty và Điều 55 đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân. Thông qua các quy định này, Nhà nước hướng tới việc cho các chủ sở hữu, đồng chủ sở hữu có thể thay đổi loại tài sản góp vốn vào doanh nghiệp, tỷ lệ phần tài sản góp vốn của các thành viên nếu doanh nghiệp có từ hai chủ sở hữu trở lên khác với tài sản góp vốn trước đó và việc thay đổi này phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được coi là hợp pháp.

- Các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành quy định về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp trong những trường hợp doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với ngành nghề phải có vốn pháp định. Có thể hiểu, vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có để thành lập doanh nghiệp. Tùy theo ngành, nghề, lĩnh vực mà mức vốn pháp

định khi thành lập doanh nghiệp có thể khác nhau. Văn bản pháp luật chuyên ngành quy định mức góp vốn bằng tài sản tối thiểu mà tổ chức, cá nhân phải bảo đảm để thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh đó.

Thứ hai, cấu trúc nội dung: Pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp quy định về các vấn đề sau:

- Tài sản góp vốn vào doanh nghiệp: Tài sản theo pháp luật Việt Nam được quy định cụ thể tại Điều 150 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên cạnh đó, Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định rõ ràng hơn về tài sản góp vốn vào doanh nghiệp. Về phương diện kinh tế, tài sản là một khái niệm “động”, không cố định, luôn thay đổi, có mục đích sử dụng cao và phải đáp ứng được nhu cầu của con người, nhất là nhu cầu sử dụng tài sản đó vào các hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận. Vì vậy, khi kinh tế phát triển, người ta có khuynh hướng mở rộng khái niệm tài sản mà không cố định trong phạm vi hẹp theo nhóm hay liệt kê các tài sản cụ thể.

Khi bàn về tài sản, thường có nhiều quan điểm khác nhau, bởi ngoài yếu tố kinh tế, pháp lý, còn phụ thuộc vào phong tục tập quán, truyền thống, văn hóa, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ của mỗi quốc gia trong những giai đoạn phát triển cụ thể. Do vậy, ở mỗi giai đoạn, thời kỳ khác nhau, tài sản nói chung và tài sản góp vốn vào doanh nghiệp nói riêng cũng có sự thay đổi.

- Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn: Về cơ bản, doanh nghiệp đều có tư cách pháp nhân, bản chất của pháp nhân là có tài sản độc lập với tài sản của chủ sở hữu hay các thành viên đã tạo lập nên pháp nhân đó, còn gọi là nguyên tắc tách bạch tài sản. Hành vi góp vốn chính là hành vi tạo lập nên pháp nhân - doanh nghiệp. Vì vậy, chủ sở hữu, các đồng chủ sở hữu góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản cho doanh nghiệp (trừ các doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân). Việc góp vốn có thể được thực hiện bằng các loại tài sản khác nhau, do đó việc chuyển quyền sở hữu tài sản cũng phải theo các quy chế pháp lý khác nhau tương ứng với từng loại tài sản. Ví dụ: Góp vốn bằng quyền sử dụng đất sẽ có những quy định riêng, khác với góp vốn bằng tiền là đồng Việt Nam hay góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ cũng sẽ có những quy định đặc thù riêng, khác với các loại tài sản khác mang tính hữu hình.

Vấn đề chuyển quyền sở hữu tài sản cho doanh nghiệp để trở thành chủ sở hữu, thành viên, cổ đông của doanh nghiệp và được hưởng quyền lợi từ doanh nghiệp sẽ phức tạp và có độ rủi ro cao, bởi doanh nghiệp là một thực thể nhân tạo. Vì vậy, pháp luật phải có những quy định cụ thể, riêng biệt về mặt thủ tục cũng như cách thức chuyển giao quyền sở hữu đối với các loại tài sản theo các quy định pháp luật về sở hữu. Luật

Doanh nghiệp năm 2020 chỉ quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc về chuyển quyền sở hữu tài sản từ người góp tài sản sang cho doanh nghiệp.

- Định giá tài sản góp vốn: Định giá tài sản góp vốn có ý nghĩa quan trọng bởi mục đích của định giá trước tiên là xác định giá trị vốn góp của các chủ sở hữu, các thành viên, cổ đông vào doanh nghiệp, qua đó bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư, bảo đảm sự bình đẳng, công bằng giữa các thành viên hay cổ đông trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc định giá còn nhằm xác định đúng giá trị tài sản của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi cho các đối tác của doanh nghiệp. Pháp luật của nhiều nước trên thế giới còn quy định, nếu doanh nghiệp có nhiều thành viên, cổ đông trở lên có tài sản góp vốn phải định giá thì thành viên, cổ đông không được tham gia biểu quyết việc định giá, họ chỉ được giải thích về những vấn đề có liên quan đến tài sản định giá. Riêng đối với công ty cổ phần, những người tham gia định giá còn không phải chịu trách nhiệm trước các đối tác của công ty, trừ khi họ có hành vi gian dối hoặc giá trị tài sản định giá có sự sai lệch quá mức.

- Xử lý vi phạm góp vốn: Pháp luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp Việt Nam và các quốc gia trên thế giới cơ bản đều quy định cấu trúc góp vốn vào doanh nghiệp gồm: Tài sản góp vốn, thời hạn góp vốn, tăng, giảm vốn đối với từng loại hình doanh nghiệp nhằm tạo ra hành lang pháp lý để các doanh nghiệp tổ chức, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích cho các nhà đầu tư khi góp vốn thành lập doanh nghiệp.

Tuy nhiên, góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp có thể có những vi phạm thuộc các dạng:

+ Vi phạm về thời hạn góp vốn: Quy định thời hạn góp vốn vào doanh nghiệp nhằm hướng đến việc nhà đầu tư góp vốn đúng thời gian được giới hạn theo luật định. Tuy nhiên, trên thực tế, cam kết là lời hứa của nhà đầu tư, việc thực hiện đúng hạn góp vốn hay không thì không phải nhà đầu tư nào cũng thực hiện đúng. Thực hiện đúng có nghĩa là nhà đầu tư cam kết góp vốn nhưng việc góp vốn bằng tài sản đó phải được chuyển giao cho doanh nghiệp trong thời hạn luật định. Ở nước ta, Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần góp vốn trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, không phải nhà đầu tư nào cũng góp vốn đúng thời hạn trên, đặc biệt là đối với trường hợp góp vốn bằng tài sản khi thành lập doanh nghiệp.

+ Vi phạm tính đầy đủ: Về nguyên tắc, khi góp vốn vào doanh nghiệp, nhà đầu tư cam kết số lượng tài sản góp vào doanh nghiệp và phải thực hiện đúng cam kết đó. Thực tế, có tình trạng khi đăng ký thành lập doanh nghiệp thì cam kết góp vốn quá lớn mà sau lại không có khả năng góp đủ như đã cam kết hoặc có những trường hợp

cổ tình không góp góp đủ vào doanh nghiệp là tình trạng xảy ra phổ biến ở nhiều doanh nghiệp hiện nay.

+ Vi phạm đối với loại tài sản góp vốn: Góp vốn không chỉ là góp đủ số lượng tài sản mà còn phải góp đúng tài sản cam kết trước đó, mặc dù góp đủ nhưng không đúng tài sản cam kết thì cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ góp vốn.

+ Vi phạm nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu: Pháp luật ở các quốc gia quy định tài sản góp vốn vào doanh nghiệp với nhiều loại chứ không chỉ là một loại tài sản duy nhất, ở Việt Nam, tài sản góp vốn vào doanh nghiệp, có loại khi góp vốn không phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu mà chỉ cần thực hiện giao nhận và có lập biên bản nhưng bên cạnh đó, có một số loại tài sản theo quy định của pháp luật chủ sở hữu phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sang doanh nghiệp, điển hình là các tài sản như: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, các loại tài sản liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, tài sản là các phương tiện phải thực hiện thủ tục đăng ký như ô tô, xe máy. Lý do phải thực hiện thủ tục để chuyển giao quyền sở hữu từ nhà đầu tư sang cho doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền với mục đích để doanh nghiệp có tư cách pháp lý hợp pháp trong sở hữu tài sản góp vốn của nhà đầu tư.

Vì vậy, tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn vào doanh nghiệp khi không thực hiện đúng nghĩa vụ góp vốn thì theo pháp luật các quốc gia, tùy vào loại hình doanh nghiệp mà thành viên không thực hiện đúng cam kết sẽ được xử lý khác nhau, hoặc là khoản nợ của chủ đầu tư với doanh nghiệp, hoặc chủ đầu tư phải bồi thường thiệt hại, có thể chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty. Trong trường hợp không góp vốn như cam kết ban đầu, nếu là doanh nghiệp một chủ, đây là điều kiện để xem xét thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, còn đối với doanh nghiệp nhiều chủ thì việc chưa đủ góp vốn sẽ đương nhiên không còn là thành viên, cổ đông doanh nghiệp, điều đó đồng thời thành viên, cổ đông đó mất toàn bộ quyền của mình trong doanh nghiệp nhưng không đồng nghĩa với việc họ cũng không còn nghĩa vụ gì đối với doanh nghiệp.

Tóm lại, góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp. Vì khi thành lập, góp vốn là điều kiện để cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; khi doanh nghiệp hoạt động, vốn là tài sản duy trì hoạt động của doanh nghiệp đó. Nhìn nhận dưới yếu tố kinh tế và yếu tố pháp lý, góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp là không thể thiếu cho từng doanh nghiệp nói riêng cũng như quá trình hình thành các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung. Do đó, tìm hiểu những vấn đề lý luận và khái quát pháp

luật về góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp giúp hiểu đầy đủ, rõ hơn về ý nghĩa, vai trò cũng như những quy định pháp lý của góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp./.

ThS. Trần Danh Phú

Trường Đại học Luật Hà Nội

[1]. Từ điển Tiếng Việt (1998), Nxb. Đà Nẵng, tr. 1087.

[2]. Từ điển Luật học (2006), Nxb. Tư pháp & Nxb. Từ điển Bách khoa, tr. 857.

(Nguồn: Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 1 (Số 408), tháng 7/2024)

Tác giả: